

BỘ THỦY LỢI-TỔNG
CỤC ĐỊA CHÍNH
Số: 07-TT/LBTL-ĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 1995

THÔNG TƯ
LIÊN BỘ THỦY LỢI - TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH
Hướng dẫn thủ tục lập hồ
sơ giao đất để xây dựng công trình thủy lợi

Căn cứ Luật đất đai ngày 14-7-1993.

Căn cứ Nghị định số 177/CP ngày 20-10-1994 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng.

Liên Bộ Thủy lợi - Tổng cục Địa chính hướng dẫn việc lập hồ sơ giao đất để xây dựng công trình thủy lợi như sau:

I. Những quy định chung:

- Đất xây dựng công trình thủy lợi nói trong thông tư này là đất chuyên dùng được quy định tại Điều 62 Luật đất đai năm 1993 bao gồm: Đất xây dựng hồ chứa nước, đập, đập, cống, trạm bơm, giếng nước, kênh mương, đường ống dẫn nước, bờ bao, trạm quản lý khai thác gắn liền với công trình thủy lợi.
- Đất sử dụng tạm thời làm mặt bằng thi công, sau khi hoàn thành công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm phục hồi khả năng sử dụng để trả lại cho chủ sử dụng đất.
- Chủ đầu tư (hoặc người được uỷ nhiệm chủ đầu tư) là người đứng tên xin giao đất xây dựng công trình thủy lợi.
- Căn cứ để xét giao đất xây dựng công trình thủy lợi:
 - Quy hoạch, kế hoạch phát triển thủy lợi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
 - Yêu cầu sử dụng đất đã được xác định trong dự án đầu tư, hoặc trong hồ sơ thiết kế công trình xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thẩm quyền giao đất để xây dựng công trình thủy lợi được thực hiện theo Điều 23 Luật đất đai năm 1993.

II. Những quy định cụ thể:

A- Hồ sơ xin giao đất để xây dựng công trình thủy lợi bao gồm:

1. Đơn xin giao đất xây dựng công trình thủy lợi (theo mẫu số 1);
2. Quyết định phê duyệt dự án khả thi kèm theo báo cáo nghiên cứu khả thi phân chiếm đất xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
3. Bản đồ thiết kế mặt bằng công trình hoặc tổng mặt bằng thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
4. Bản đồ khu đất xin giao xây dựng công trình thủy lợi tỷ lệ từ 1/1000 đến 1/10.000. Đối với các công trình kênh mương, đập và hồ chứa nước chiếm diện tích từ 50 ha trở lên thì có thể sử dụng bản đồ có tỷ lệ từ 1/10.000 đến 1/25.000. Các loại bản đồ trên phải được Sở Địa chính kiểm tra, xác nhận (theo mẫu số 2);
5. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm;
6. Phương án đền bù về đất, tài sản trên đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
7. Biên bản thẩm tra hồ sơ đất đai của Sở Địa chính (theo mẫu số 3);
8. Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các công trình giao đất thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ (theo mẫu số 4);
9. Quyết định thành lập của tổ chức sử dụng đất.

Đối với công trình xây dựng thủy lợi mà thẩm quyền giao đất thuộc Chính phủ thì hồ sơ được lập thành 5 bộ; nếu thuộc quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì hồ sơ lập thành 3 bộ. Hồ sơ trên gửi đến Sở Địa chính sở tại.

B- Trình tự thực hiện:

1. Khi nhận được hồ sơ, Sở Địa chính có trách nhiệm:
 - Nghiên cứu hồ sơ, thẩm tra xác minh thực địa, xác nhận vào bản đồ khu vực giao đất.
 - Lập biên bản thẩm tra hồ sơ.

- Lập tờ trình, dự thảo quyết định giao đất Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công trình thuộc cấp tỉnh quyết định, hoặc dự thảo tờ trình của UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ đối với công trình thuộc Chính phủ quyết định, theo mẫu số 4 của thông tư này.

Đối với công trình thuộc Thủ tướng Chính phủ quyết định thì hồ sơ xin giao đất được gửi đến Tổng cục Địa chính.

2. Thời hạn thẩm tra hồ sơ:

- Trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ của chủ đầu tư, Sở Địa chính hoàn thành việc thẩm tra hồ sơ và dự thảo văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Địa chính thẩm tra, lập tờ trình và dự thảo quyết định trình Chính phủ.

C- Tổ chức thực hiện sau khi có quyết định giao đất:

1. Sau khi có quyết định giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Sở Địa chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương và chủ đầu tư tổ chức cắm mốc giới, bàn giao đất trên thực địa.

2. Chủ đầu tư tổ chức đền bù thiệt hại về đất và tài sản trên đất theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến từng hộ và nộp lệ phí địa chính theo quy định. Trường hợp một dự án do nhiều nguồn vốn thì vốn đền bù thuộc nguồn nào sẽ được qui định trong dự án tiền khả thi do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Định mức đơn giá đền bù thuộc địa phương nào thì áp dụng theo quy định mà Nhà nước đã ủy quyền cho địa phương đó.

3. Đối với công trình xây dựng trong nhiều năm thì được đền bù theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

4. Tổ chức được giao đất đến UBND địa phương nơi có đất giao, đăng ký quyền sử dụng đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Khi bàn giao công trình xây dựng thủy lợi cho đơn vị quản lý khai thác thì chủ đầu tư phải bàn giao đầy đủ hồ sơ đất đai cho người chủ sử dụng kế tiếp.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với các công trình xây dựng thuỷ lợi nằm trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố thì Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Sở Địa chính nơi có đất để làm thủ tục theo quy định tại Thông tư này.
2. UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Thuỷ lợi và Sở Địa chính lập hồ sơ giao đất đúng quy định, thường xuyên kiểm tra, có biện pháp xử lý những sai sót và các hành vi tiêu cực.
3. Giám đốc Sở Địa chính, Giám đốc Sở Thuỷ lợi căn cứ vào quy định tại Thông tư này để tổ chức lập hồ sơ giao đất xây dựng các công trình thuỷ lợi tại địa phương mình, đồng thời hàng quý báo cáo kết quả giao đất nói trên về Tổng cục Địa chính và Bộ Thuỷ lợi.
4. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những hướng dẫn trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có gì khó khăn vướng mắc đề nghị các địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Thuỷ lợi và Tổng cục Địa chính để giải quyết.

MẪU SỐ 1

Ngày tháng..... năm 199

ĐƠN XIN GIAO ĐẤT

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

(Hoặc Chủ tịch UBND tỉnh,

thành phố)

1) Tên tổ chức xin giao đất:

2) Quyết định thành lập (Hoặc giấy phép hành nghề số:.....

ngày..... cơ quan cấp)

3) Địa chỉ

4) Vị trí hiện trạng khu đất

5) Diện tích xin sử dụng để xây dựng công trình:

Trong đó : + Đất nông nghiệp

Lúa 1 vụ

Lúa 2 vụ